

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:140/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03- 8- 2018

V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Hoàng Thị Hồng Vân.

+ Ông Phạm Công Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 25/2018/TL.ST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Huỳnh Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ A, khối B, phường C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Phước Tr, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khối B, phường C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, bản trình bày ngày 31/01/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Huỳnh Thanh T, trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì chị T và anh Bùi Phước Tr tự nguyện kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo quy

định của pháp luật. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T và anh Tr không cùng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, bản thân ai người đó lo. Chị T cho rằng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh Tr nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Về con chung, chị T và anh Tr có 01 con chung tên là Bùi Xuân An, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2014. Chị T yêu cầu giao con cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn vì bản thân chị hiện tại không có chỗ ở, không có việc làm ổn định. Về tài sản chung, chị T trình bày giữa chị và anh Tr không có tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018, bị đơn anh Bùi Phước Tr trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì anh Tr và chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn do anh đi làm không đưa tiền cho chị T. Hiện nay, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý. Về con chung, giữa anh Tr và chị T có một con chung như lời trình bày của chị T. Anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, giữa anh và chị T không có tài sản chung đúng như lời trình bày của chị T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật qui định, đã tạo mọi điều kiện để các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không tự trình bày ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của chị T dẫn đến Tòa án phải tiến hành lấy lời khai của anh Tr. Điều này thể hiện bị đơn chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018, anh Tr đã đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, giao con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do chị T, anh Tr không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Lê Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Phước Tr có nơi cư trú tại tổ A, khối B, phường C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/03/2018, bị đơn anh Bùi Phước Tr đã đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huỳnh Thanh T và anh Bùi Phước Tr tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh Tr không cùng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, bên cạnh đó anh Tr không phụ cấp chị T chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T cho rằng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh Tr. Mặc khác, anh Tr cũng thừa nhận giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Lê Huỳnh Thanh T ly hôn anh Bùi Phước Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lê Huỳnh Thanh T và anh Bùi Phước Tr có 01 con chung tên Bùi Xuân An, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2014. Anh Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao con cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn vì hiện nay chị không có chỗ ở, không có nghề nghiệp ổn định nên không đủ khả năng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của anh Tr là chính đáng, cần chấp nhận. Bởi lẽ, anh Tr hiện đang có nghề nghiệp ổn định với thu nhập Tr bình mỗi tháng 8.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Xuân An cho Bùi Phước Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh Tr đều khai nhận giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Huỳnh Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Huỳnh Thanh T được ly hôn với anh Bùi Phước Tr.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Xuân An, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2014 cho anh Bùi Phước Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Huỳnh Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Huỳnh Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Lê Huỳnh Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số số 0009341 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/8/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND TP Hội An;
- Chi cục T.H.A dân sự TP Hội An;
- UBND phường Cẩm Châu, thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thành Trung